

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 20/TTYT đề ngày 15/02/2023 của Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar tại số 78 đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar và hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 60/TTr-STNMT ngày 02/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar, địa chỉ tại số 78 đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 78 đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: số 0230/ĐL-GPHĐ ngày 16/01/2020 của Giám đốc Sở Y tế.

1.4. Loại hình dịch vụ: Khám chữa bệnh.

1.5. Phạm vi, quy mô:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích đất của cơ sở: 19.320m².

- Quy mô: 210 giường bệnh; số lượng cán bộ công nhân viên: 313 người; gồm 12 khoa và 04 phòng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải nguy hại, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 15/GP-UBND ngày 08/5/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

- Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa huyện Cư M’gar” và Quyết định số 47/QĐ-STNMT ngày 31/01/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Bệnh viện Đa khoa huyện Cư M’gar” hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cư M’gar tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cư M’gar ;
- Trung tâm Y tế huyện Cư M’gar
(Địa chỉ: 78 đường Cách mạng tháng tám, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M’gar);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ 20 nhà vệ sinh đặt tại khu khám, hồi sức cấp cứu – chống độc, khu điều trị nội trú, khu nhà tiết trùng, khu nhà dịch vụ tổng hợp.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn tại Trung tâm.
- Nguồn số 03: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh tại các khoa phòng của Trung tâm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng, sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm Y tế Cư M'gar xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga nằm trên đường Nguyễn Chí Thanh tại thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3'): X= 453456; Y = 1417780.

2.4. Lưu lượng nước thải lớn nhất xả thải ra môi trường: 120 m³/ngày.đêm, tương đương 5m³/giờ.

2.4.1. Phương thức xả nước thải ra môi trường: Tự chảy.

- Nước thải sau xử lý tự chảy vào đường ống PVC Ø220 (chiều dài khoảng 130m) được đặt ngầm chạy dọc theo hàng rào phía Tây của Trung tâm và nhập vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn Quảng Phú tại hố ga nằm trên đường Nguyễn Chí Thanh.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày.đêm.

2.4.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT, cột A. Hệ số áp dụng K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	50		
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Shigelle	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại Dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải từ nhà vệ sinh (20 nhà vệ sinh): được thu gom bằng đường ống PVC D60mm, D90mm, D114mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn, sau khi xử lý sơ bộ nước thải chảy vào hố thu nước bằng đường ống PVC D90 mm, D168mm, D220mm; D300mm dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn (01 nhà ăn): được thu gom bằng đường ống PVC D90mm dẫn về bể tách dầu, sau đó được chảy vào hố thu nước, dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

- Nước thải y tế: được thu gom theo tuyến thu gom riêng về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

a) Bể tự hoại

- Dung tích thiết kế: gồm 08 bể tự hoại, dung tích 16,32m³/bể.
- Thông số kỹ thuật: bể tự hoại 3 ngăn, kích thước mỗi bể: 3,2m x 3m x 1,7m, xây bằng gạch M200mm, chống thấm hai lớp bên trong.
- Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Hồ thu gom nước thải sau bể tự hoại: gồm 23 hồ thu, dung tích 0,8m³/hồ, kích thước mỗi hồ: 1,0m x 1,0m x 0,8m, xây bằng gạch M200mm.

b) Bể tách mỡ

- Dung tích thiết kế: gồm 01 bể tách mỡ, dung tích 1,0 m³/bể.
- Thông số kỹ thuật: bể tách mỡ có kích thước: 1,4m x 0,9m x 0,8m, vật liệu bằng inox 304.
- Quy trình xử lý: Nước thải từ nhà ăn → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Ngăn chứa → Thu gom về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Công suất: 120 m³/ngày đêm.
- Nước thải y tế (theo tuyến thu gom riêng) và nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể AAO (ngăn Anaerobic, ngăn Anoxic, ngăn Oxic) → Bể phản ứng → Vi lọc → Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột A).
- Hệ thống xử lý nước thải gồm 01 bể điều hòa (kích thước 5,5m x 4,5m x 1,65m), 01 bể hợp khối AAO (kích thước ngăn Anaerobic: 2,0m x 1,0m x 3,1m; ngăn Anoxic: 2,0m x 2,0m x 3,1m, ngăn Oxic: 2,0m x 2,0m x 3.1m), 01 bể phản ứng (kích thước: 2,0m x 1,0m x 3,1m). Nhà điều hành (kích thước: 4,7m x 3,75m). Các bể được xây bằng bê tông cốt thép, chống thấm.
- Hóa chất sử dụng: NaOH, Cloramin.
- Thiết bị, vật liệu sử dụng: Song chắn rác, bơm nước, máy thổi khí, thiết bị đo DO, bơm định lượng, thiết bị đo pH, bơm nước rửa băng tải, vi lọc băng tải, giá thể vi sinh, đĩa phân phối khí, đồng hồ đo lưu lượng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Các máy móc thiết bị làm việc ở áp suất cao phải có hồ sơ kỹ thuật theo quy định, được trang bị đầy đủ đồng hồ đo áp suất và thực hiện nghiêm ngặt chế độ kiểm tra định kỳ.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Tiến hành thay thế các giá thể vi sinh khi hiệu suất xử lý có dấu hiệu giảm sút.

- Khu vực chứa hóa chất và các vật liệu khác phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải phải thông thoáng, có quạt thông gió để hạn chế các sự cố xảy ra.

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả của công trình.

- Xây dựng các phương án phòng chống, khắc phục sự cố môi trường như cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải. Phân công cán bộ chịu trách nhiệm hoặc thuê đơn vị có năng lực thực hiện vận hành và kiểm tra xử lý sự cố của hệ thống.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, lượng nước thải phát sinh sẽ được đưa sang bể điều hòa của hệ thống xử lý cũ (hiện không hoạt động), khi hệ thống xử lý nước thải được sửa xong thì nước thải sẽ được bơm ngược lại để tiếp tục xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (cột A) trước khi thải ra môi trường. Tiến hành khắc phục sự cố ngay để đưa hệ thống đi vào hoạt động sớm nhất có thể.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar đã có giấy phép môi trường thành phần (Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 15/GP - UBND ngày 08/5/2019 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp), theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào điểm tiếp nhận theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải y tế, hiệu Chuwarstar, công suất 20kg/giờ.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, công suất 60kVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO (chỉ hoạt động trong trường hợp Trung tâm bị cúp điện, không thường xuyên).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 1: Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò đốt; tọa độ vị trí xả khí thải (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiều 3°): X = 453511, Y = 1417906
- Nguồn số 2: Tương ứng với ống khói thải của khu vực nhà đặt máy phát dự phòng, công suất 60kVA. Tọa độ vị trí xả thải: X = 453506, Y = 1417772.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 1: 15m/s.
- Nguồn số 2: Không xác định.

2.3. Phương thức xả khí thải:

- Nguồn số 1: Tại ống thoát khí thải của lò đốt cao 25m, xả gián đoạn (Chỉ xả trong trường hợp vận hành lò đốt).
- Nguồn số 2: Không thường xuyên, chỉ xả trong trường hợp Trung tâm bị cúp điện.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng bảo vệ môi trường và yêu cầu sau:

- Nguồn số 1: Đảm bảo QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	115	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2
2	Axit clohydric, HCl	mg/Nm ³	50		
3	Cacbon monoxit, CO	tng/Nm ³	200		
4	Lưu huỳnh dioxit, SO ₂	mg/Nm ³	300		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	300		

6	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,5	Điều 98 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP	Điều 98 Nghị định 08/2022/ NĐ-CP
7	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd	mg/Nm ³	0,16		
8	Chì và các hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2		
9	Tổng dioxin/furan, PCDD/PCDF	ngTEQ/ Nm ³	2,3		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ khí thải nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý khí thải.

- Nguồn số 2: Không phải kiểm soát do không lấy được mẫu, máy phát điện sử dụng nhiên liệu dầu DO và chỉ hoạt động gián đoạn trong một số trường hợp đặc thù.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải sau buồng thứ cấp sẽ được thu gom bằng đường ống dẫn về thiết bị xử lý của lò đốt, được tạo thành bởi các tấm màng lọc dạng lưới cấu tạo bằng hợp kim thép không rỉ. Sau đó xả ra ngoài môi trường qua ống khói cao 25m.

- Nguồn số 2: Được thu gom theo đường ống riêng, là thiết bị đồng bộ cùng máy phát điện và thoát trực tiếp ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Nguồn số 1:

Tóm tắt quy trình công nghệ đốt chất thải y tế: Rác thải y tế nguy hại → Buồng đốt sơ cấp → Buồng đốt thứ cấp → Thiết bị xử lý khí thải → Ống khói.

- Tóm tắt quy trình hoạt động của Buồng đốt:

Buồng sơ cấp: Chất thải đưa vào buồng đốt sẽ thu nhiệt từ không khí nóng của buồng đốt, nhiệt độ của chất thải đạt trên 100⁰C, quá trình thoát hơi ẩm xảy ra mãnh liệt, khi nhiệt độ tiếp tục tăng sẽ xảy ra quá trình nhiệt phân chất thải và tạo khí gas. Nhiệt độ buồng đốt sơ cấp phải đạt từ 800-1000⁰C. Khi quá trình nhiệt phân kết thúc, sẽ hình thành tro và cặn cacbon, do vậy người ta còn gọi giai đoạn này là cacbon hóa.

Buồng thứ cấp: Quá trình đốt dư khí oxy: khí gas sinh ra từ buồng sơ cấp, được đưa lên buồng thứ cấp để đốt triệt để. Tốc độ cháy phụ thuộc vào nhiệt độ và nồng độ chất cháy trong hỗn hợp khí gas. Nhiệt độ buồng đốt thứ cấp đạt từ 1.050 – 1.200⁰C. Khi đã cháy hết 80% - 90% chất cháy (khí gas) thì tốc độ phản ứng giảm dần.

Thiết bị xử lý khí: Thiết bị này đi kèm với hệ thống lò đốt, được tạo thành bởi các tấm màng lọc dạng lưới cấu tạo bằng hợp kim thép không rỉ. Hóa chất

sử dụng cho quá trình xử lý là dung dịch NaOH loãng 5% chứa trong thùng chuyên dụng gắn liền với thiết bị được phun lên màng lọc thông qua các vòi phun đặc chủng dạng sương mù giúp gia tăng diện tích tiếp xúc của dung dịch NaOH và khí thải từ quá trình đốt rác, nhờ đó trung hòa các chất độc hại trong khí thải. Khí thải sau khi qua thiết bị xử lý được thoát ra ngoài qua ống khói.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch NaOH loãng 5%, dầu DO.

- Các hạng mục công trình của lò đốt: Quạt cao áp thổi gió (01 cái), đầu đốt sơ cấp (01 cái), đầu đốt thứ cấp (01 cái), thùng chứa dầu (01 cái), ống nối thu bụi (01 cái), thiết bị thu hồi bụi (01 bộ), ống bơm phun (01 cái), ống thải khí (01 cái), ống thoát hơi nước (02 cái), thùng chứa nước (01 cái), thiết bị cảnh báo mực nước (01 cái), thiết bị điều khiển mực nước (01 bộ), thiết bị cảm ứng nhiệt (01 cái), thiết bị kiểm soát nhiệt (01 bộ), thiết bị xử lý khí thải (01 bộ).

1.2.2. Nguồn số 2: Máy phát điện sử dụng nhiên liệu dầu DO và chỉ hoạt động gián đoạn trong một số trường hợp đặc thù.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị để thay thế khi các thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ lò đốt chất thải y tế, có kế hoạch sửa chữa lò đốt khi gặp sự cố.

- Khu vực chứa hóa chất và các vật liệu khác phục vụ cho hệ thống xử lý khí thải phải thông thoáng, có quạt thông gió để hạn chế các sự cố xảy ra.

- Xây dựng các phương án phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường như cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống xử lý khí thải.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phát sinh không thường xuyên chỉ sử dụng khi cúp điện, áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau: Đặt máy phát điện riêng biệt cách xa khu vực khám chữa bệnh; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện (tần suất 6 tháng/lần); kiểm tra nhật ký chạy máy (giờ chạy và tình trạng hoạt động); kiểm tra động cơ và các hệ thống (sự liên kết của bulông chân máy; kiểm tra mức dầu đốt; nước làm mát; nhớt bôi trơn; chất lượng đầu đốt; thông số đồng hồ áp lực nhớt; kiểm tra tiếng động lạ; hệ thống khí nạp; hệ thống xả; ống thông hơi; độ căng dây curoa; tình trạng quạt).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar phải thực hiện vận hành thử nghiệm đối với lò đốt chất thải y tế để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng QCVN 02:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế (Cột B) theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

- Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với lò đốt chất thải y tế đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước

ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình để theo dõi, giám sát.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng và phải đảm bảo đánh giá được hiệu quả xử lý của công trình xử lý khí thải lò đốt chất thải y tế.

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống khói lò đốt chất thải y tế, hiệu Chuwarstar, công suất 20kg/giờ.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A của phụ lục này): Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.4. phần A của phụ lục này.

- Quan trắc đối với hệ thống xử lý khí thải: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Trung tâm tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải của cơ sở.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm phải tuân thủ yêu cầu về bảo vệ môi trường theo giấy phép môi trường này và các trách nhiệm quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các nguồn phát sinh bụi và khí thải khác (tại khu vực khám chữa bệnh; khu vực lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại; khu vực thu gom, xử lý nước thải,...) phải được kiểm soát; đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh đáp ứng QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong chất lượng không khí xung quanh và quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải của cơ sở.

3.4. Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Tiếng ồn từ phương tiện giao thông ra vào dự án, khu vực khám chữa bệnh, khu vực hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Khu vực khuôn viên Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X = 453531; Y= 141778;

- Khu vực khám chữa bệnh (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X = 453549; Y= 1417796

- Khu vực hệ thống xử lý nước thải, (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X = 453488; Y= 1417884;

- Khu vực hệ thống xử lý khí thải, (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X = 453516; Y= 1417897

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su và lò xo chống rung để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Bố trí hàng rào bao quanh Trung tâm; duy trì diện tích cây xanh tạo hành lang cách ly khu vực nhà máy với các đối tượng xung quanh.

- Các phương tiện vận chuyển vật tư, hàng hóa, con người không được chở quá trọng tải và yêu cầu tắt máy trong khuôn viên cơ sở.

- Xe máy, xe ô tô ra vào cơ sở đều được gửi tại nhà xe, không để máy nổ trong khuôn viên cơ sở. Nhà xe được bố trí theo đúng thiết kế.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm			9.056
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn (Bơm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền dịch, lưỡi dao mổ, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ và các vật sắc nhọn khác)	13 01 01	Rắn	138
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (Bông, băng, gạc dính máu, mù)	13 01 01	Rắn	3.987
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao (Bệnh phẩm và dụng cụ đựng vật phẩm)	13 01 01	Rắn	4.747
1.4	Chất thải giải phẫu (mô, cơ quan – bộ phận cơ thể người, nhau thai, bào thai)	13 01 01	Rắn	184
2	Chất thải nguy hại khác			810
2.1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	11
2.2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	3
2.3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	2
2.4	Xi và tro đáy có các thành phần nguy hại	12 01 05	Rắn	794
Tổng				9.866

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...)	150
2	Chất thải vô cơ có khả năng tái chế (bìa carton, giấy, chai nhựa, lọ thủy tinh, kim loại,...)	15

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng rác nhỏ được đặt tại các khoa, phòng, khu vực hành lang chung (thùng rác có nắp đậy màu đen dung tích 15 lít, số lượng 01 thùng), sau đó rác thải sẽ được vận chuyển về khu vực lưu chứa tạm chất thải y tế bằng thùng nhựa (màu đen, loại dung tích 120 lít, có bánh xe, số lượng 02 cái).

2.1.2. Kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại:

Cơ sở đã xây dựng nhà lưu chứa tạm thời chất thải có diện tích 30 m² (kích thước: 10,8 m x 2,78 m) được chia làm 3 ngăn riêng biệt. Trong đó, bố trí 01 ngăn để lưu chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm, gồm có:

01 buồng chứa chất thải y tế không lây nhiễm với diện tích 10 m² (kích thước: 3,8 m x 2,78 m), có bố trí 05 thùng nhựa màu đen loại dung tích 240 lít.

Kết cấu nhà lưu chứa chất thải: Xây tường gạch bao quanh, nền bê tông, có mái che. Có biển cảnh báo và dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định, có lắp bảng hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại và phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp, nội quy khu vực lưu chứa tạm thời chất thải.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định (Hiện tại Trung tâm đang hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Khánh Hòa thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Hợp đồng số: 250/22/HĐKT/MTKH ngày 25/7/202), tần suất thu gom 01 lần/năm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải lây nhiễm sắc nhọn thu gom vào hộp kháng khuẩn màu vàng (số lượng: 32 hộp); chất thải giải phẫu được thu gom vào túi nhựa màu vàng đặt trong thùng nhựa có nắp đậy màu vàng (dung tích 5-15 lít, số lượng: 51 thùng), sau đó chất thải y tế lây nhiễm được vận chuyển về khu vực lưu chứa chất thải y tế bằng thùng nhựa (màu vàng, loại dung tích 120 lít, có bánh xe, số lượng 3 cái).

2.2.2. Khu vực lưu chứa

Cơ sở đã xây dựng nhà lưu chứa tạm thời chất thải có diện tích 30 m² (kích thước: 10,8 m x 2,78 m) được chia làm 3 ngăn riêng biệt. Trong đó, bố trí 01 ngăn để lưu chứa chất thải y tế nguy hại lây nhiễm (chờ đốt) gồm có:

01 buồng chứa chất thải y tế lây nhiễm chờ đốt với diện tích 10 m² (kích thước: 3,8 m x 2,78 m), có bố trí 03 thùng nhựa màu vàng loại dung tích 240 lít.

2.2.3. Biện pháp xử lý

Chất thải y tế lây nhiễm được xử lý bằng lò đốt chất thải rắn y tế

Chuwarstar, công suất 20 kg/giờ. Quy trình xử lý rác thải y tế nguy hại lây nhiễm được thể hiện tại mục B Phụ lục II.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm thừa,...): Bố trí các thùng rác nhỏ được đặt tại các khoa, phòng, khu vực hành lang chung (thùng rác có nắp đậy màu xanh, dung tích 5-15 lít, số lượng 65 thùng), sau đó rác thải sẽ được vận chuyển về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt bằng thùng nhựa (màu xanh, loại dung tích 120 - 240 lít, có bánh xe, số lượng 5 cái).

- Chất thải có khả năng tái chế (Bìa cacton, giấy các loại, vỏ giấy các loại hộp đựng thuốc, vỏ chai nhựa PP, PE, vỏ chai bằng thủy tinh, vật liệu kim loại khác,...): Bố trí các thùng rác nhỏ được đặt tại các khoa, phòng, khu vực hành lang chung (thùng rác có nắp đậy màu trắng, dung tích 5-15 lít, số lượng 49 thùng), sau đó rác thải sẽ được vận chuyển về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt bằng thùng nhựa (màu trắng, loại dung tích 120 – 240 lít, có bánh xe, số lượng 4 cái).

2.3.2. Kho lưu chứa:

Xây dựng nhà lưu chứa tạm thời chất thải có diện tích 30m² (kích thước: 10,8 m x 2,78 m) được chia làm 3 ngăn riêng biệt. Trong đó, bố trí 01 ngăn để lưu chứa chất thải rắn thông thường, gồm có:

01 buồng chứa chất thải rắn thông thường lưu chứa chất thải không tái chế và chất thải tái chế với diện tích 10m² (kích thước: 3,8m x 2,78m), có bố trí thùng chứa rác thải màu xanh để lưu chứa chất thải không tái chế (gồm: 05 thùng loại dung tích 240 lít; 01 thùng loại 660 lít), có bố trí thùng chứa rác thải màu trắng để lưu chứa chất thải tái chế (gồm: 04 thùng loại dung tích 240 lít, 01 thùng loại 660 lít).

2.3.3. Biện pháp xử lý:

Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tại thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định (Hiện tại Trung tâm đang hợp đồng với Công ty TNHH xây dựng và cảnh quan đô thị Quảng Phú để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, tần suất thu gom vào các ngày thứ 3, thứ 5 và thứ 7 hàng tuần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan.

3. Trung tâm Y tế huyện Cư M'gar có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của

Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Nước thải phải được quản lý chặt chẽ để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.